

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/DSPT.

Ngày: 11-11-2022

V/ v “Kiện đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp
đồng về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Bảo Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Thái Nguyên .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị
Hương Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh
Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2022/DSPT ngày
04 tháng 10 năm 2022 về việc “ Kiện đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về
tài sản ”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án
nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 62/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Doãn D, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số nhà 36/3, ngách 997/3, tổ 1 phường CG , thành phố TN , tỉnh
Thái Nguyên, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Doãn K, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Xóm ĐM , xã BC , huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên(có mặt).

3. Người làm chứng:

- Bà Trần Thị C, sinh năm: 1950. Địa chỉ: Tổ dân phố TA , thị trấn CC ,
huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

- Anh Vi Văn T, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Tổ dân phố BA , thị trấn CC ,
huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

- Chị Ma Thị N, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Xóm ĐM , xã BC , huyện ĐH,
tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Trần Doãn D là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Doãn D trình bày:

Ông có thửa đất ruộng do bố, mẹ để là bà Trần Thị C2 cho ông, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 40 Bản đồ địa chính xã BC, diện tích 724m², loại đất LUC (đất ruộng), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 581913, cấp ngày 30/11/2013 mang tên bà Trần Thị C2, tại xóm ĐM, xã BC, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên nhưng đến nay ông vẫn chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tên bà C2 sang tên ông. Khi được bố, mẹ chia đất năm 1900 ông đang đi bộ đội, sau đó lấy vợ ở thành phố TN nên ông không trực tiếp sử dụng thửa đất mà để em gái là Trần Thị L sử dụng. Đến năm 1995 khi chị L đi lấy chồng thì ông cho chị gái là bà Trần Thị C sử dụng. Năm 2005 ông Trần Doãn K là anh trai ruột của ông đã tự ý hạ thấp mặt bằng ruộng của ông đi để lấy đất làm gạch mà không hỏi ý kiến ông, khi đó bà C là người đang sử dụng thửa ruộng, bà C cũng không nói gì với ông, sau đó nhiều lần về phép thì ông biết là ông K đã tự ý hạ thấp mặt bằng ruộng của ông đi, ông K đã lấy hết phần đất màu nhưng vì là anh em ông không có ý kiến gì.

Năm 2012 giải ngũ, ông lấy lại đất ruộng để canh tác, dù chịu khó chăm sóc nhiều phân bón nhưng sản lượng chỉ đạt 1,2 đến 1,5 tạ/1 sào không như các hộ chung quanh đạt khoảng 2 tạ/sào. Năm 2016 ông cho chị Ma Thị N tại xóm ĐM, xã BC canh tác, sử dụng và mỗi vụ trả cho ông 40kg thóc/2 sào. Quá trình sử dụng đất kể từ khi ông K lấy hết phần đất màu đi thì đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lúa. Trước khi chưa bị lấy phần đất màu đi thì năng suất lúa đạt bình quân từ 150 kg thóc – 200 kg thóc/01 sào nhưng từ khi bị ông K lấy phần đất màu đi thì năng suất lúa chỉ còn đạt bình quân từ 110 kg thóc – 120 kg thóc/01 sào, tại phiên tòa ông D xác định đạt từ 120 kg thóc đến 150 kg thóc/1 sào dù chị N đã phải mất nhiều công cải tạo đất, mất nhiều công sức chăm sóc lúa và phải bỏ ra nhiều chi phí để mua nhiều loại phân bón khác nhau nhưng năng suất lúa vẫn không thay đổi, không được như trước đây khi chưa bị lấy đất màu trên bề mặt như vậy là đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của ông. Vì vậy khi anh em phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh chấp đất với nhau, năm 2016 ông có đơn đến UBND xã BC nhưng không được giải quyết, đến năm 2017 ông tiếp tục làm đơn gửi UBND xã BC giải quyết và khởi kiện ra tòa như hiện nay.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông K phải bồi thường thiệt hại về tài sản do giảm năng suất lúa của ông từ năm 2005 đến năm 2021 là 16 năm là 50kg thóc/sào x 2 sào x 2 vụ/năm = 200kg thóc/năm x 16 năm = 3.200 kg thóc x 7.000đ/kg thóc = 22.400.000đ (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và yêu cầu ông K khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với diện tích 724m² đất LUC (đất ruộng), tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 40 bản đồ địa chính xã BC, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên.

Việc bà C khai năm 2010 bà C và ông thống nhất để anh T san gạt đất ruộng thấp xuống như các hộ xung quanh khoảng 80 cm để lấy 13.000.000đ rồi khi ông làm nhà đã đưa cho ông là 6.500.000đ và như anh T khai là không đúng, là thông đồng với nhau cướp công sức, tài sản của ông, ông không biết sự việc này, không có liên quan đến việc ông kiện ông K đề nghị Tòa án xem xét.

Bị đơn ông Trần Doãn K trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đám ruộng 4 sào là của mẹ ông lấy lại sau khi Hợp tác xã giải thể và năm 1990 chia cho ông 02 sào và phần đất này sau đó ông đã bán cho bà C, phần đất còn lại 02 sào cho ông Trần Doãn D là em trai ông, nhưng đều không có giấy tờ gì. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn mang tên bà Trần Thị C2. Mẹ ông chết vào ngày 10/10/2016, bố ông chết ngày 11/01/1997, trước khi chết bố, mẹ không để lại di chúc gì nhưng ông thừa nhận diện tích 724m², loại đất LUC (đất ruộng), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 581913, cấp ngày 30/11/2013 mang tên bà Trần Thị C2 là của ông Trần Doãn D em trai ông. Khi cho đất ông D vẫn đi bộ đội chị L canh tác đến năm 1995 chị L đi lấy chồng thì bố, mẹ ông canh tác nhưng chị Cầm và các cháu làm hộ là chính và canh tác cả đám ruộng của ông K và ông D. Năm 2003 mẹ ông là bà Trần Thị C2 và chị gái là bà Trần Thị C trực tiếp quản lý sử dụng, canh tác diện tích 724m² đất, tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 40 bản đồ địa chính xã BC. Khi đó thửa đất ruộng này cao hơn các thửa đất khác, liền kề nên chỉ làm được ruộng mạ, canh tác không hiệu quả, đồng thời đúng thời điểm ông có nhu cầu cần lấy đất để làm gạch nên năm 2004 đầu năm 2005 ông hỏi mẹ là bà C2 và chị gái là bà C để san mức đất cho bằng các đám ruộng khác để tiện canh tác. Mẹ ông là bà C2 và bà C nhất trí, tuy nhiên không lập văn bản giấy tờ gì đến khi ông thực hiện công việc mức đất cũng không có ai đến cản trở, ý kiến gì, chính quyền địa phương cũng không có ý kiến gì, ông đã hạ thấp xuống khoảng 60 cm lấy đất đỏ, để lại đất màu trồng lúa. Khi đó ông D đang trong quân ngũ nên ông không nói gì với ông D, sau đó ông D thường xuyên về phép cũng biết ông hạ thấp đất xuống nhưng cũng không có ý kiến gì, năm 2011-2012 ông D xuất ngũ về địa phương nhưng cũng không có ý kiến gì. Trước đó một thời gian ông D và bà C cho anh Vi Văn T, người tại Tổ dân phố BA, thị trấn CC mức đất đi để bằng những thửa ruộng xung quanh, hiện nay ông D đang cho chị Ma Thị N cấy thuê còn cụ thể thế nào ông không rõ.

Nay ông D khởi kiện yêu cầu ông phải bồi thường thiệt hại về tài sản là 3.200 kg thóc do giảm năng xuất lúa tại diện tích 724m² đất, tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 40 bản đồ địa chính xã BC, từ năm 2005 cho đến năm 2021 với số tiền là 22.400.000đ (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và yêu cầu ông khôi phục hiện trạng ban đầu của thửa đất ông không chấp nhận. Việc ông lấy đất đi khi mẹ và chị gái đang canh tác không ảnh hưởng gì đến năng xuất lúa của ông D.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng bà Trần Thị C trình bày:

Bố mẹ bà sinh được 05 anh em, trong đó có bà và ông K, ông D, bà L, bà Loan. Năm 1990 sau khi Hợp tác xã BC giải thể bố, mẹ bà là ông Trần Doãn Đ và bà Trần Thị C2 được nhận lại đất ruộng của gia đình trước đây đã đưa vào Hợp tác xã và chia cho các con sử dụng trong đó có diện tích 724 m² đất ruộng tại thửa số 139, tờ bản đồ số 40 bản đồ địa chính xã BC chia cho ông D sử dụng. Khi chia đất không có văn bản giấy tờ gì tuy nhiên đều được anh, em thừa nhận không có tranh chấp gì. Khi bố mẹ chia đất ruộng thì ông D đang công tác trong

quân đội nên không trực tiếp nhận và sử dụng đất mà để cho em gái là chị Trần Thị L đang ở cùng bố mẹ sử dụng cấy lúa sử dụng chung cho gia đình, ông D cũng không lấy công thóc gì. Đến năm 1995 bà L đi lấy chồng, năm 1997 bố mất thì bà Trần Thị C2 vẫn sử dụng diện tích đất ruộng trên, hàng ngày ông K, bà C và các con của bà C vẫn hộ bà cấy lúa trên thửa ruộng trên để lấy gạo ăn. Đến năm 2002 bà C2 đến ở với bà C thì bà C trực tiếp quản lý sử dụng thửa ruộng nêu trên, ông D đi bộ về thỉnh thoảng lấy ít thóc, gạo mang đi ăn còn không có ý kiến gì. Đến năm 2012 ông D về nghỉ chế độ thì bà giao trả ruộng cho ông D canh tác sau đó vài năm lại cho chị N canh tác còn cụ thể thế nào bà không nắm bắt được. Phần đất liền kề phần ruộng của ông D bố mẹ cho ông K đã chuyển nhượng cho bà sử dụng, đến năm 2019 bà chuyển nhượng đất cho gia đình chị N, đến nay bà không sử dụng nữa.

Về việc san lấp đất của thửa đất ruộng nêu trên nguyên nhân thửa ruộng của ông D, ông K là thửa ruộng cao hơn các thửa đất ruộng khác liền kề nên việc canh tác cấy lúa không thuận lợi, không bắt được nước vào, khi Hợp tác xã dùng thường để làm ruộng mạ, sau khi bà lấy cấy lúa năng suất không cao chỉ khoảng 1,2 tạ thóc/sào. Cuối năm 2004, đầu năm 2005 khi đó ông K đang làm gạch cần đất bảo bà và mẹ bà cho hạ thấp mặt bằng ruộng xuống để bằng các thửa đất ruộng khác liền kề để tiện canh tác thì mẹ bà và bà đồng ý cho hạ thấp xuống khoảng 50cm, khi lấy đất hạ bằng phương pháp đào thủ công, khi lấy đất ông K có gạt đất màu trên bề mặt để đắp lại còn lấy phần đất ở lớp dưới. Việc cho ông K hạ thấp mặt bằng thấp xuống cũng không có văn bản giấy tờ gì, không hỏi ông D tuy nhiên năm 2005 ông D về phép có biết việc san thấp mặt bằng ruộng xuống nhưng cũng không có ý kiến gì. Đến năm 2009 thì các thửa đất ruộng liền kề lại hạ thấp mặt bằng ruộng xuống, ruộng của bà và của ông D lại bị cao hơn nên bà đã gọi điện cho ông D bảo ruộng cao không bắt được nước, không cấy được và đã thống nhất với ông D tiếp tục hạ thấp đất xuống, ông D cũng đồng ý. Năm 2010 bà đã trực tiếp liên hệ với anh Vi Văn T để anh T hạ thấp mặt bằng đất ruộng xuống để tiện canh tác và để anh T lấy đất để làm gạch, khi lấy cũng đều để lại phần đất màu để cấy lúa. Sau khi xong công việc anh T đã trả cho bà 13.000.000đ để bà cải tạo đất, sau đó khi ông D làm nhà bà đã đưa cho ông D 6.500.000đ. Việc bà nhận tiền của anh T cũng như giao tiền cho ông D đều không có văn bản giấy tờ gì. Sản lượng lúa chỉ giảm vụ đầu tiên còn các vụ sau vẫn bình thường không có thay đổi gì vào khoảng 1,2 tạ thóc/sào. Nay giữa ông D khởi kiện ông K bồi thường và xảy ra tranh chấp, sự việc tùy Tòa xem xét giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên, bà không có liên quan.

- Người làm chứng chị Ma Thị N trình bày:

Diện tích 724m² đất loại đất LUC, tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 40 bản đồ địa chính xã BC, chị cấy thuê của Dân từ vài năm về trước, cụ thể năm nào đến nay chị không nhớ. Hàng năm chị cấy hai vụ lúa, trong quá trình canh tác chị thấy cây lúa vẫn phát triển bình thường như cây lúa của những thửa đất ruộng khác liền kề. Chị cũng có một thửa đất ruộng liền kề với thửa đất ruộng

mà ông D đang khởi kiện ông K, thửa đất này chị mua lại của Cầm chị gái ông D và cũng đang cấy lúa. Từ năm chị cấy thuê thửa ruộng của ông D thì ông D đã đồng ý cho chị phá bờ ngăn cách giữa hai thửa đất để tiện cho việc canh tác của chị hơn, hiện nay hai thửa đất của chị và của ông D là một thửa lớn nên việc chăm sóc lúa là như nhau và cũng như các thửa đất khác, năng suất lúa không bị giảm. mặt bằng ngang nhau so với các thửa khác, không có ngập úng gì. Sản lượng trung bình vào khoảng 1,3 tạ/ 1 sào. Bà thống nhất thoả thuận trả cho ông D 40kg thóc /vụ/ 2 sào, đây là sự thoả thuận tự nguyện của các bên không có ai đe dọa, ép buộc gì. Nay ông D và ông K xảy ra tranh chấp, sự việc tùy Tòa xem xét giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên, chị không liên quan gì.

- Người làm chứng ông Vi Văn T trình bày:

Năm 2010 bà Trần Thị C trực tiếp liên hệ với ông bảo là có một thửa đất ruộng tại xóm ĐM, xã BC do bị cao hơn các thửa đất khác, không bắt được nước vào khi cấy lúa và muốn hạ thấp đất xuống cho bằng các thửa đất khác, liền kề. Khi đó ông đang đóng, nung đốt gạch đỏ nên cần đất, bà C liên hệ với ông nói vậy thì ông đã đồng ý. Bà C đã đưa ông đến thửa đất, thực tế ông thấy thửa đất này cao hơn các thửa đất khoảng từ 40 cm – 50 cm. Sau đó ông thực hiện công việc lấy máy múc hạ thấp đất xuống và lấy đất đi để làm gạch, ông hạ thấp đất xuống được khoảng 40 cm – 50 cm thì ông không hạ đất xuống nữa và bà C cũng bảo không hạ nữa vì đã bằng với các thửa đất khác và phủ lại phần đất màu. Sau khi xong công việc thì ông có hỗ trợ cho bà C 13.000.000đ để cải tạo đất và hoa màu, việc đưa tiền cho bà C không có giấy tờ gì, ông không biết là trong phần diện tích đất đó có $\frac{1}{2}$ diện tích đất là của ông D. Trong khoảng thời gian lấy đất ông thấy ông D cũng thỉnh thoảng về địa phương nhưng cũng không thấy ông D có ý kiến gì, chính quyền địa phương không lập biên gì. Ông xác định việc ông lấy đất của thửa đất ruộng hiện nay ông D đang khởi kiện ông K là được được sự đồng ý của bà C và sẽ thuận tiện cho việc canh tác hơn, không ảnh hưởng đến năng suất lúa. Nay giữa ông D và ông K xảy ra tranh chấp, sự việc tùy Tòa xem xét giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST Ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên đã Quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Doãn D về việc yêu cầu ông Trần Doãn K phải bồi thường thiệt hại về tài sản do giảm năng suất, sản lượng thóc với số tiền là 22.400.000đ (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và yêu cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với diện tích 724m² đất LUC (đất ruộng), tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 40 bản đồ địa chính xã BC , huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Ông Trần Doãn D phải chịu 1.120.000đ (một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 640.000đ (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004486 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Ông Trần Doãn D còn phải nộp

480.000đ (bốn trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Ông Trần Doãn D phải chịu 8.850.000^d (tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Trần Doãn D đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Ngày 22/8/2022 ông Trần Doãn D kháng cáo không nhất trí án sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm ông D đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Trần Doãn D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Ông D phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Doãn D làm trong hạn luật định, đã nộp đủ phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm

[2.] Xét các nội dung kháng cáo của ông Trần Doãn D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Trần Doãn D khởi kiện ông Trần Doãn K và cho rằng ông K đã lấy đất màu tại thửa đất ruộng của ông là thửa đất số 139, tờ bản đồ số 40 có diện tích là 724m² đất LUC làm giảm sản lượng lúa của ông và yêu cầu ông K phải bồi thường thiệt hại về tài sản, hoa màu do giảm sản lượng lúa.

Về nguồn gốc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 40 bản đồ địa chính xã BC, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên là của bà Trần Thị C2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 581913 ngày 30/11/2013 mang tên bà Trần Thị C2. Bà C2 đã chết không để lại di chúc. Mặc dù thửa đất này hiện nay mang tên bà Trần Thị C2. Tuy nhiên, các con của bà C2 là hàng thừa kế thứ nhất đều xác nhận khi bố, mẹ còn sống đã chia cho ông D từ năm 1990 không có tranh chấp gì. Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ thấy rằng: Diện tích thửa ruộng nêu trên hiện đang cấy lúa bình thường như các hộ liền kề. Hiện trạng ruộng lúa nêu trên nằm ở gần giữa cánh đồng có hướng thấp dần ra hướng bờ Sông Chu, có mương nước phía trên và bên cạnh thửa ruộng. Ruộng của ông D thấp hơn thửa ruộng phía trên khoảng 20 cm, bằng với ruộng bên cạnh và cao hơn ruộng phía dưới khoảng 10 cm, mặt ruộng thông thoáng, có mương lấy nước và thoát nước tốt không bị ứ đọng, ngập úng gì, hiện đang thuận lợi cho việc canh tác thửa ruộng trên.

Năm 1990 khi được bố mẹ chia cho ông D thửa ruộng nêu trên, ông D đang ở bộ đội, đất ruộng em gái là Trần Thị L ở cùng với bố, mẹ trực tiếp canh tác. Sau khi chị L đi lấy chồng thì thửa đất ruộng nêu trên bố, mẹ ông D là ông Đ và bà C2 tiếp tục canh tác. Năm 1997 ông Đ chết, năm 2001 bà C2 già yếu đến ở với con gái là bà C và từ đó bà C cùng với mẹ đẻ là bà C2 là người trực tiếp quản lý, canh tác thửa ruộng nêu trên đến năm 2012 khi ông D giải ngũ về địa phương thì mới trực tiếp canh tác thửa ruộng nêu trên và được các bên đương sự thừa nhận là đúng thực tế. Khoảng đầu năm 2005 do thửa ruộng ở khu vực đồng cao việc canh tác, cấy lúa khó khăn nên ông K hỏi và được sự đồng ý của mẹ đẻ là bà C2 và chị gái là bà C nên đã hạ thấp thửa ruộng xuống khoảng 60 cm để bằng các thửa ruộng liền kề để thuận lợi cho việc lấy nước, cấy lúa mà không hỏi ông K là không đúng, tuy nhiên sau đó hàng năm, ngày lễ, tết ông D về phép, về thăm mẹ đẻ và anh em trong gia đình và thỉnh thoảng có lấy thóc, gạo đi ăn mà không có ý kiến gì về việc này, không lấy khoán thóc gạo gì, đến năm 2016 khi anh em xảy ra mâu thuẫn mới đề nghị xã giải quyết và đến nay mới khởi kiện yêu cầu bồi thường và ông D cũng không chứng minh được việc san lấp đất của ông K gây thiệt hại đến sản lượng thóc của ông, khi ông canh tác. Mặt khác, tại thời điểm năm 2005 ông D cho rằng ông K đã mức đất ruộng của ông thì thửa ruộng này là của bà Trần Thị C2 đang sử dụng và thuộc quyền quản lý của bà C2 do vậy bà C2 đã đồng ý để ông K san đất ruộng để bằng các thửa ruộng khác cho thuận lợi việc lấy nước cấy. Ông K xác định khi lấy đất tại thửa ruộng đó thì ông đã chỉ lấy phần đất đỏ phía dưới, sau đó đổ lại phần đất màu lên ruộng không ảnh hưởng đến sản lượng lúa mà còn thuận lợi cho việc canh tác hơn, điều đó cũng phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng được sử dụng thửa đất số 139 đều xác định sản lượng lúa cấy không thay đổi so với trước mà còn có phần thuận lợi hơn.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm ông D không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc có thiệt hại.

Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Doãn D là có căn cứ. Kháng cáo của ông D Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí: Ông D phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Doãn D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39; 147; 157; 158; khoản 2 Điều 229, Điều 271; 273 Bộ Luật tố tụng dân sự. Các Điều 584; 588; 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Doãn D về việc yêu cầu ông Trần Doãn K phải bồi thường thiệt hại về tài sản do giảm năng xuất, sản lượng thóc với số tiền là 22.400.000đ (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và yêu cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với diện tích 724m² đất LUC (đất ruộng), tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 40 bản đồ địa chính xã BC , huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Ông Trần Doãn D phải chịu 1.120.000đ (một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 640.000 đồng (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004486 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Ông Trần Doãn D còn phải nộp 480.000 đồng (bốn trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Ông Trần Doãn D phải chịu 8.850.000 đồng (tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Trần Doãn D đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Án phí phúc thẩm: Ông D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004632 ngày 13/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

